



# **MỘT SỐ TÁC ĐỘNG CỦA MẶT BẰNG MỚI GIÁ THẾ GIỚI ĐỐI VỚI KINH TẾ VIỆT NAM**

PGS.TSKH TRẦN NGUYỄN TUYẾN

*Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*

## **1. Một số nhân tố quốc tế tác động.**

Ngày 26-8-2005, giá dầu thô trên thị trường dầu mỏ Niu Ốc đã tăng vọt tới mức kỉ lục mới, đạt hơn 70 USD/thùng. Nhiều nhà kinh tế thế giới đã cảnh báo khả năng giá dầu sẽ lên tới 100 USD/thùng. Dự báo này dựa trên cơ sở nhu cầu dầu mỏ tiếp tục tăng nhanh ở các châu lục, đặc biệt ở châu Á với các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc và Ấn Độ là những nước tiêu thụ dầu mỏ lớn nhất hiện nay và sắp tới đang tiếp tục đòi hỏi khối lượng lớn dầu mỏ phục vụ cho tăng trưởng kinh tế. Mặt khác, giá dầu mỏ tăng cao còn do tác động của nguồn dự trữ dầu mỏ ngày càng cạn kiệt, của sự mất ổn định tình hình chính trị của các nước Trung Đông như chiến tranh I-rắc, tác động của thiên tai, bão lụt đối với nhiều nước.

Trong 25 năm qua, nhu cầu dầu mỏ của châu Á đã tăng 105% so với mức tăng 2,5% ở châu Âu và 20% ở Mỹ. Hiện nay, Mỹ là nước tiêu thụ dầu mỏ lớn nhất thế giới, chiếm 25% tổng tiêu thụ dầu mỏ hàng năm của toàn thế giới. Bộ Năng lượng Mỹ dự báo trữ lượng dự trữ xăng dầu của Mỹ sẽ giảm mạnh trong thời gian tới, năm 2005 đã giảm 7% so với năm 2004. Thực tế cho thấy, sự lo ngại về khả năng gián đoạn nguồn cung cấp nguyên liệu là nguyên nhân chính làm cho giá dầu tăng quá cao như hiện nay. Nhu cầu tiêu thụ dầu mỏ thế giới như hiện nay khoảng 84 triệu thùng/ngày, khả năng sản xuất và cung ứng dầu mỏ của thế giới để đáp ứng nhu cầu này đã quá tải tới mức báo động.

Các nhà kinh tế thế giới ước tính trung

bình giá dầu tăng 10 USD/thùng sẽ làm giảm 0,25% tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của một nước. Giá dầu ở mức hiện nay làm suy giảm nghiêm trọng thu nhập của người tiêu dùng sau khi đã đóng thuế và các phí bảo hiểm khác. Về phương diện kinh tế vĩ mô, giá dầu tăng trên 70 USD/thùng sẽ không chỉ hạn chế tốc độ tăng trưởng mà còn đẩy lạm phát tăng vọt và lãi suất cao hơn. Những nước nhập khẩu dầu mỏ lớn ở châu Á chiếm một nửa nhu cầu dầu mỏ tăng trên toàn cầu năm 2004. Giá dầu tăng trong điều kiện không kiểm soát được về lạm phát sẽ có thể tạo ra căn bệnh mới của nền kinh tế như lạm phát gắn với suy thoái (stag - flation), tạo nhiều khả năng xảy ra một cuộc khủng hoảng năng lượng như trong các năm 1973-1974, dẫn đến sự khủng hoảng của nền kinh tế thế giới, mà trước hết là xuất phát từ các nước tư bản phát triển thuộc nhóm G7. Các nhà phân tích cho rằng nếu giá dầu tiếp tục tăng cao không những ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế Mỹ và khả năng chi tiêu của người dân mà còn tác động gián tiếp đến nền kinh tế châu Á, trực tiếp là thị trường chứng khoán. Năm 2004, Nhật Bản đã chi 55 tỉ USD cho nhập khẩu dầu mỏ.

Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) vừa đưa ra dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm 0,8% do giá dầu trên thế giới tăng kỉ lục trong thời gian vừa qua và khoảng cách ngân sách chi trả cho dầu mỏ hiện nay giữa các nước giàu và các nền kinh tế đang lên ngày càng rộng ra. Nhiều dự báo của các tổ chức kinh tế quốc tế cho

thấy tăng trưởng kinh tế thế giới trong hai năm 2005-2006 sẽ chậm lại. Tình hình kinh tế thế giới trong hai năm 2005-2006 sẽ bị chi phối bởi các khuynh hướng tác động điều chỉnh cơ cấu và bối cảnh xấu kéo dài. Về khuynh hướng cơ cấu, do áp lực của cạnh tranh, nhu cầu cơ cấu lại nền kinh tế trước tác động của các nhân tố nội tại và nhân tố bên ngoài nhất là tác động của công nghệ tin học, xu hướng nhất thể hoá các cơ sở sản xuất - kinh doanh và tài chính ngân hàng, sự tăng cường hoạt động của các công ty xuyên quốc gia. Về khuynh hướng bối cảnh, có hai nhân tố tác động mạnh đến tình hình kinh tế là giá dầu tăng cao và các tỉ lệ lãi suất cả ngắn hạn lẫn dài hạn đều ở mức rất thấp, thêm vào đó đồng USD có thể giảm giá mạnh trong năm 2006. Do vậy, mặc dù đã được đánh giá là khu vực phát triển kinh tế năng động nhất thế giới, nhưng tốc độ phát triển kinh tế của châu Á vẫn suy giảm trong năm nay và trong thời gian tới.

Chính phủ các nước châu Á đã có những giải pháp khác nhau nhằm đối phó có hiệu quả với việc giá dầu mỏ tăng theo hướng giảm bớt ảnh hưởng đối với ngân sách và nhập khẩu, cụ thể như giảm bớt tiêu dùng năng lượng dầu mỏ, thực hành chính sách tiết kiệm...

### **2. Tác động của mặt bằng giá thế giới đối với kinh tế Việt Nam hiện nay.**

Sau khi giá xăng dầu tăng lần thứ 3 trong năm 2005, giá một số mặt hàng lương thực, thực phẩm và dịch vụ tại Hà Nội và các thành phố lớn có xu hướng tăng. Cùng với việc tăng giá xăng dầu, nhiều mặt hàng khác cũng đồng loạt tăng giá, nhất là những ngành sản xuất và dịch vụ liên quan đến xăng dầu. Thực tế cho thấy, một mặt bằng giá mới cao hơn so với cùng kì những năm trước đang dần hình thành trên thị trường quốc tế cũng như thị trường trong nước. Những mặt hàng tăng giá tiếp theo xăng dầu như phí vận chuyển, giá thực phẩm, các dịch vụ sản xuất và tiêu dùng. Việc điều chỉnh giá trong nước chậm dẫn đến tình trạng chênh lệch giá, tạo điều kiện cho đầu cơ buôn lậu như đã diễn ra trong thời gian

qua (đối với mặt hàng xăng dầu qua đường biên giới Cam-pu-chia).

Mặt khác, mặt bằng giá mới sẽ tác động làm hạn chế tốc độ tăng trưởng nền kinh tế, làm tăng chi phí đầu vào, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm, doanh nghiệp (DN) và nền kinh tế. Đồng thời, làm tăng khả năng nhập siêu, mặc dù xuất khẩu có tăng song nhu cầu nhập khẩu tăng nhanh hơn, vì hơn 70% nguyên vật liệu của nền kinh tế phải nhập từ nước ngoài, điều này cũng cho thấy, nền kinh tế của chúng ta còn mang nặng tính chất gia công, lắp ráp, làm thuê cho nước ngoài, ngân sách nhà nước có nguy cơ thâm hụt, bội chi. Do nhiều ngành sản xuất - kinh doanh của Việt Nam phải nhập ngoại nguyên, nhiên, phụ liệu... nên bị phụ thuộc vào sự biến động giá cả của thị trường thế giới. Nhiều ngành sản xuất có sản phẩm là nguyên liệu đầu vào của nhiều ngành khác, gây ra hiệu ứng lan truyền, làm tăng chi phí đối với hàng loạt sản phẩm của những ngành sản xuất khác. Hơn nữa nhiều loại hàng hoá nhập khẩu, ngoài việc chịu thuế nhập khẩu còn phải chịu thuế giá trị gia tăng, trong khi thời gian hoàn thuế giá trị gia tăng lại được tiến hành chậm.

Chi phí nhân công rẻ là một lợi thế của Việt Nam trong nhiều năm qua. Tuy nhiên lợi thế này đang mất dần vì chất lượng lao động chưa đảm bảo, tỉ lệ lao động có kĩ năng và thực hành còn thấp.

Những nguyên nhân trên đây làm cho chi phí sản xuất tăng, năng suất lao động thấp, sức cạnh tranh của sản phẩm, DN và nền kinh tế bị giảm sút. Đặc biệt khi Việt Nam đang đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), với cam kết mở cửa thị trường ngày càng sâu rộng, việc tăng chi phí đầu vào sẽ dẫn đến tăng giá thành sản phẩm, hạn chế giá trị gia tăng thu được, làm nguy cơ xuất khẩu có khả năng giảm (một phần do nhu cầu tiêu dùng giảm, người dân phải tiết kiệm chi tiêu trước mặt bằng giá mới), thị phần trong nước có nguy cơ bị thu hẹp. Trong bối cảnh như vậy, nhiều DN, nhất là DNNN có nguy cơ bị phá sản, đóng cửa do không thích hợp với môi

trường kinh doanh mới.

Hiện nay, trong số những ngành có thị phần lớn thì ngành than, điện và xi măng chiếm vai trò quan trọng, là đầu vào của nhiều ngành khác, trong điều kiện biến động giá hiện nay nếu các tổng công ty này điều hành tốt, tiết kiệm được chi phí thì việc tăng giá xăng dầu cũng không làm tăng nhiều giá sản phẩm tương ứng.

Thực tế cho thấy, trong lần điều chỉnh giá xăng dầu ngày 17-8-2005, những ngành trọng yếu của Việt Nam chỉ giảm lợi nhuận chứ không bị lỗ. Cụ thể, sau 3 lần tăng giá xăng dầu, ngành than giảm khoảng 300 tỉ đồng trong kế hoạch lợi nhuận sau thuế của năm 2005 là 815 tỉ đồng; ngành điện giảm hơn 500 tỉ đồng (lợi nhuận dự kiến là 670 tỉ đồng), xi măng giảm hơn 140 tỉ đồng (kế hoạch lợi nhuận là 340 tỉ đồng). Tuy nhiên, trong điều kiện mặt bằng giá trong nước bị ảnh hưởng trực tiếp bởi mặt bằng giá quốc tế thì việc giá cả tiếp tục leo thang cũng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến kinh doanh của các ngành trên cũng như đối với nền kinh tế.

### 3. Một số giải pháp kiến nghị.

Chính phủ đã có những giải pháp đảm bảo sự ổn định kinh tế vĩ mô, không gây đột biến giá cả trong nền kinh tế cũng như đối với đời sống người dân. Chính phủ yêu cầu các bộ, ngành, địa phương thực hiện quyết liệt các biện pháp bình ổn giá, kiểm soát được tốc độ tăng giá, ngăn ngừa tác động đẩy giá lên cao. Theo chúng tôi, để kiểm soát lạm phát trong điều kiện mặt bằng giá mới thế giới, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

- Về mặt nhận thức, cần thấy rõ mối quan hệ giữa giá trong nước và giá thế giới, trong điều kiện độ mở của nền kinh tế Việt Nam khá lớn (tổng kim ngạch xuất nhập khẩu > tổng GDP) thì mọi ảnh hưởng của mặt bằng giá quốc tế và khu vực sẽ ảnh hưởng trực tiếp, toàn diện đối với nền kinh tế nước ta. Tuy nhiên, cần phân tích làm rõ hạn chế của quan điểm về “lạm phát giá cả” theo nghĩa lạm phát xảy ra khi mức chung của giá cả và chi phí tăng, bởi lẽ không phải giá cả tăng lên là lạm phát tăng theo, mặt khác nhiều khi lạm phát tăng chưa làm tăng

chi phí của DN. Trong bối cảnh hiện nay, cần khắc phục tâm lý đẩy giá lên cao, tạo tâm lý đầu cơ tăng giá, làm méo mó hoạt động của quy luật giá trị trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay.

- Hệ thống tài chính ngân hàng cần tiếp tục cải cách cho phù hợp với yêu cầu của quá trình hội nhập, có giải pháp can thiệp kịp thời theo hướng hạn chế tác động xấu đối với kinh tế vĩ mô, khi giá vật tư hàng hoá trên thị trường có biến động thất thường. Ngành Tài chính thực hiện theo lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết quốc tế và khu vực, giảm thiểu biện pháp bảo hộ qua hàng rào thuế quan đối với hàng hoá dịch vụ không nhất thiết phải bảo hộ để tạo sức ép cạnh tranh đối với DNNN, đẩy mạnh cải cách DN nói chung, nhất là DNNN trong những điều kiện mới của hội nhập kinh tế quốc tế. Mặt khác, cần có các biện pháp ngăn chặn hành vi nâng giá tùy tiện, gây thiệt hại cho người tiêu dùng.

- Ngân hàng Nhà nước cần tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt về tỉ giá, thực hiện lãi suất theo hướng khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu và hạn chế nhập siêu (ngoài giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu, để hạn chế nhập siêu cần rà soát nhu cầu nhập khẩu đối với hàng tiêu dùng trong nước, đồng thời thực hành tiết kiệm trong việc tiêu dùng nguyên vật liệu đối với nền kinh tế). Cần chỉ đạo các ngân hàng thương mại tăng cường biện pháp kiểm soát tín dụng, cho vay có hiệu quả. Khắc phục tình trạng đầu tư vào các chương trình kinh tế kém hiệu quả với lượng vốn lớn (như chương trình đánh bắt xa bờ, mía đường, xi măng lò đứng...). Theo hướng này, cần rà soát đánh giá lại khả năng cạnh tranh của sản phẩm, DN, thực hiện đầu tư theo hướng khai thác lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh của từng sản phẩm, ngành và nền kinh tế, kiên quyết không đầu tư theo phong trào, không xét đầy đủ đến hiệu quả kinh tế. Cần xây dựng và triển khai thực hiện các quy hoạch chiến lược phát triển từng ngành hàng một cách toàn diện, đảm bảo quy hoạch sản xuất phải gắn với nguồn cung

(Xem tiếp trang 46).

## KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

*Năm là*, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực du lịch. Làm tốt vai trò tham mưu cho UBND tỉnh về việc ban hành các văn bản pháp lý về quản lý du lịch trên địa bàn, đặc biệt là các văn bản, chế tài về khai thác, sử dụng, tu bổ và tôn tạo các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể. Thành lập Ban quản lý du lịch tại một số khu vực trọng điểm để trực tiếp quản lý các dự án đầu tư phát triển, dự án tăng cường năng lực quản lý ngành thuộc các nguồn ngân sách trung ương, tỉnh và tài trợ của các tổ chức quốc tế. Triển khai thu phí và lệ phí để tái đầu tư. Thành lập các phòng chức năng quản lý du lịch ở các huyện, thị xã. Nghiên cứu việc phân cấp quản lý hoạt động du lịch cho các huyện và xã theo vị trí của các khu, tuyến, điểm du lịch phù hợp.

*Sáu là*, tăng cường xã hội hoá du lịch thông qua các cơ chế ưu đãi đầu tư, ưu đãi khai thác thị trường. Phát huy vai trò của

nhân dân qua các hoạt động du lịch. Tăng cường sự phối hợp của các ngành, các cấp, các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc trong công tác phát triển du lịch. Thành lập Hiệp hội du lịch Quảng Nam. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan đảm bảo an ninh trong các hoạt động du lịch. Triển khai xây dựng các tuyến, điểm, khu du lịch, các hoạt động du lịch an toàn để du khách thực sự yên tâm khi đến với du lịch Quảng Nam.

*Bảy là*, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động du lịch, nâng cao chất lượng công tác thẩm định các cơ sở lưu trú. Thực hiện nghiêm túc việc xét, cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch theo đúng quy định của pháp luật. Phấn đấu xây dựng bộ máy văn phòng Sở Du lịch thực sự trở thành công cụ quản lý nhà nước và là người bạn đồng hành của các doanh nghiệp, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương □

\* \* \* \* \*

## MỘT SỐ TÁC ĐỘNG CỦA MẶT BẰNG MỚI...

(Tiếp theo trang 7)

ứng nguyên liệu và hệ thống tiêu thụ sản phẩm. Chú trọng các kênh huy động vốn như đẩy mạnh quá trình thực hiện đổi mới, cổ phần hoá các DNNN, đưa thị trường chứng khoán hoạt động có hiệu quả trở thành kênh huy động vốn quan trọng của nền kinh tế.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tập trung vào các nội dung chính như cải cách thể chế (tạo môi trường pháp lý thông thoáng, theo hướng minh bạch hoá, công khai hoá, khuyến khích cạnh tranh, xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, hiệu quả, đẩy mạnh chống tham nhũng), giảm nhanh chi phí đầu tư, trước hết có lộ trình giảm giá độc quyền của một số sản phẩm thông qua cạnh tranh, giá thuê đất, tăng cường đào tạo để phát triển nguồn nhân lực đồng thời thực hiện mở cửa lĩnh vực, phạm vi đầu tư phù hợp với cam kết quốc tế (nhất là lĩnh vực dịch vụ khi Việt Nam gia nhập WTO).

- Bên cạnh những giải pháp tích cực đối với các cơ quan quản lý nhà nước, hệ thống các DN Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế cần thực hiện cải tiến công nghệ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành, hạn chế việc tăng giá đầu vào sản phẩm, hạn chế tăng giá đầu ra. Những sản phẩm chủ đạo như điện, than, xi măng, phải tiết kiệm giảm chi phí đồng thời với đổi mới sắp xếp quản lý DN, không lợi dụng tình hình để tăng giá sản phẩm.

Việc giá xăng dầu tăng và lãi xuất tiền USD nhiều khả năng tiếp tục tăng sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến đầu vào của giá thành sản xuất của nhiều DN, nhiều khả năng việc xoá hẳn bù lỗ trong năm nay là chưa thể xảy ra vì điều quan trọng nhất vẫn là tính toán về sức chịu đựng của nền kinh tế đối với giá dầu mỏ hiện nay. Do vậy, ở tầm vĩ mô, cần có giải pháp xử lý thích hợp điều hoà lợi ích của DN, người tiêu dùng và Nhà nước □